

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HS-ST

Ngày: 17-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Hoàng Văn Tiến**

2. Ông: **Nguyễn Văn Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Lục** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Hoài Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/TLST-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST – HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Họ và tên: **Cầm Nhân T**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 28/02/2003 tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản Huổi Súra, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Huổi Súra, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Bó đẻ: Không; Mẹ đẻ: Bà Cầm Thị Hịa, sinh năm 1976; Bị cáo là con một trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án: Ngày 14/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 08/3/2022 chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày phạm tội chưa được xoán án tích; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, đã bị xét xử (Ngày 01/12/2019 có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tuyên phạt 08 tháng tù); Bị cáo bị tạm giam, giữ tại nhà tạm giữ công an huyện Mường Ảng từ ngày 19/5/2023 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Họ và tên: **Hoàng Đình T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1973 tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Bản TDP 8, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Đình U, sinh năm: 1942 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là chị: Phạm Thị L, sinh năm 1980 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979

Trú tại: Bán BM, xã ẮN, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: TDP 08, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Cầm Nhân T và Hoàng Đình T được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 16/5/2023 Cầm Nhân T đi từ nhà ra đoạn đường cạnh lán của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 thuộc Tổ dân phố 3, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng quan sát đường vắng không có người trong lán nên Cầm Nhân T đã lén lút trèo tường bao đột nhập vào bên trong khu vực nhà lán để trộm cắp tài sản mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi lén vào bên trong Cầm Nhân T quan sát có 02 chiếc khung xe máy đã cũ hỏng dựng ở cạnh tường bao cạnh đường đi vào UBND huyện Mường Ảng. Cầm Nhân T đã tiến đến kéo lấy 01 khung xe máy điện chỉ còn gắn 01 bánh xe, trị giá 206.400 đồng ra góc tường bao có lưới B40 rồi trèo lên tường kéo nhắc khung xe máy ra khỏi tường bao nhà lán. Sau đó Cầm Nhân T mang khung xe đến quán thu mua sắt vụn của chị Phạm Thị L, trú tại: Tổ dân phố 08, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng để bán khung xe cho chị Phạm Thị L thu được 280.000 đồng rồi lấy tiền tiêu xài hết vào mục đích cá nhân. Sau khi mua khung xe chị Phạm Thị L đã tháo rời một số bộ phận để nhập sắt vụn. Khoảng 18 giờ ngày 17/5/2023 bằng phương thức và thủ đoạn cũ Cầm Nhân T tiếp tục đến nhà lán của chị M lấy trộm tiếp 01 khung xe máy điện đã cũ hỏng còn gắn 02 bánh xe, trị giá 360.500 đồng. Sau đó Cầm Nhân T tiếp tục mang đến quán thu mua sắt vụn của chị Phạm Thị L thì gặp chồng chị Phạm Thị L là Hoàng Đình T đang thu mua. Thấy Cầm Nhân T mang khung xe máy điện đến bán Hoàng Đình T hỏi Cầm Nhân T lấy trộm khung xe ở đâu? Thì đã được Cầm Nhân T nói rõ khung xe là do Cầm Nhân T trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi từ việc mua được khung xe giá rẻ nên Hoàng Đình T đồng ý mua với giá sắt vụn là 7000 đồng/kg và được Cầm Nhân T đồng ý bán. Sau khi đặt khung xe lên cân được 52 kg thì Hoàng Đình T trừ đi phần lốp xe và nhựa, còn lại Hoàng Đình T trả cho Cầm Nhân T số tiền 315.000 đồng. Sau khi bán được khung xe Cầm Nhân T đã cầm đi tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/5/2023 chị M phát hiện khung xe bị mất trộm nên đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Ngày 18/5/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS kết luận 01 khung xe máy điện bằng kim loại màu đen có số hiệu YXTPBFHV 800896 có khối lượng 21kg có giá 147.000đ; 02 cái thụt trước bằng kim loại có khối lượng 4,2kg có giá 29.400 đồng; 01 bánh xe máy điện nhãn hiệu KENDA có giá 30.000đồng; 01 khung xe máy điện bằng kim loại màu đen – cam có số hiệu YBEHUMGH 710092 có khối lượng 51,5kg có giá 360,500đồng. Tổng tài sản Cầm Nhân T đã trộm cắp có giá trị là 566.900 đồng.

Ngày 19/5/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Cầm Nhân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Ngày 07/6/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Hoàng Đình T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại Cáo trạng số: 66/CT-VKSMA ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Cầm Nhân T về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hoàng Đình T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hình phạt:** Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cầm Nhân T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đình T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi địa phương nơi cư trú cho bị cáo.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

- **Về vật chứng:** Căn cứ điểm b Khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan điều tra và bị hại chị Nguyễn Thị M; Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 595.000đồng của bị cáo Cầm Nhân T

- **Về án phí:** Căn cứ: khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cầm Nhân T.

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Đình T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị hại chị Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, về hình phạt đối với bị cáo xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Thực hiện lời nói sau cùng, Cẩm Nhân T, Hoàng Đình T nhận phạm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Trong các ngày 16/5/2023 và ngày 17/5/2023 Cẩm Nhân T đã lén lút trèo tường bao đột nhập vào bên trong khu vực nhà lán của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 thuộc Tổ dân phố 3, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng chiếm đoạt 02 khung xe máy đã cũ hỏng có tổng giá trị 566.900 đồng. Sau đó Cẩm Nhân T mang 01 khung xe bán cho chị Phạm Thị L thu được 280.000 đồng và bán 01 khung xe cho Hoàng Đình T thu được 315.000 đồng. Mặc dù đã được Cẩm Nhân T nói rõ khung xe máy điện là do Cẩm Nhân T trộm cắp mà có nhưng do ham rẻ nên Hoàng Đình T vẫn cố ý mua. Mục đích Cẩm Nhân T chiếm đoạt khung xe để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn Cẩm Nhân T phù hợp với lời khai của các bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Cẩm Nhân T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của Cẩm Nhân T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Bị cáo Hoàng Đình T biết rõ 02 khung xe máy điện do bị cáo Cẩm Nhân T trộm cắp mà có nhưng ham rẻ nên Hoàng Đình T vẫn cố ý mua. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Hoàng Đình T về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[2]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Cẩm Nhân T sinh ra và lớn lên tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho đi học đến lớp 07/12 ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Ngày 01/12/2019 có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tuyên phạt 08 tháng tù. Ngày 14/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 08/3/2022 chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích. Bị cáo là một thanh niên trẻ, khỏe, trụ cột trong gia đình, đã đi chấp hành án về nhưng do thiếu ý

thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lười lao động để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Bị cáo đã nén lút, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong quản lý tài sản, chủ quan, đã trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân và mua ma túy để sử dụng. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là cơ hội để bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 của BLHS.

Theo khoản 5 Điều 173 BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo thuộc hộ nghèo, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Hoàng Đình T sinh ra và lớn lên tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên được bố mẹ cho đi học đến lớp 12/12 ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến năm 1979 cùng gia đình chuyển lên sống tại Tổ dân phố 8, thị trấn Mường Ảng, huyện Tuần Giáo (nay là huyện Mường Ảng). Năm 2003 kết hôn với chị Phạm Thị L, sinh năm 1980 và có với nhau 02 người con. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, do ham rẻ nên đi vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bố bị cáo là ông Hoàng Đình Ưông được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 của BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, nhưng vẫn cần phải giám sát giáo dục đối với bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 36 của BLHS xử phạt bị cáo hình phạt Cải tạo không giam giữ là đủ sức răn đe và cải tạo đối với bị cáo.

Bị cáo với nghề nghiệp tự do thu nhập bấp bênh, ngoài ra không có thu nhập nào khác; bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 323 BLHS và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Đối với phần bồi thường thiệt hại chị May là bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường; về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[5] Về vật chứng: Áp dụng điểm b Khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc trả lại vật

chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng và chị Nguyễn Thị M là bị hại trong vụ án theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 11/7/2023 (*vật chứng là 02 khung xe máy đã cũ hỏng*).

- Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền 595.000đồng của bị cáo Chăm Nhân T, do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên xét thấy số tiền này do Chăm Nhân T thu lợi bất chính mà có cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Chăm Nhân T sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn Chăm Nhân T bộ án phí HSST cho bị cáo.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Hoàng Đình T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

[8] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Chăm Nhân T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Hoàng Đình T phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Chăm Nhân T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 5 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Hoàng Đình T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Hoàng Đình T.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho bị cáo.

Giao bị Hoàng Đình T cho UBND thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại

Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

2. *Vật chứng*: Căn cứ điểm b Khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS:

- Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa Cơ quan điều tra và chị Nguyễn Thị M.
- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 595.000đ (Năm trăm chín mươi năm nghìn đồng) của Cẩm Nhân T.

5. *Án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cẩm Nhân T.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Đình T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS:

- Các bị cáo Cẩm Nhân T, Hoàng Đình T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;
- Bị hại chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- STP tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hs;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân